

TIẾP NHẬN TIỂU THUYẾT ĐỨC THỂ KỈ XX Ở VIỆT NAM TỪ PHƯƠNG DIỆN NGHIÊN CỨU, PHÊ BÌNH SAU NĂM 1986

Ôn Thị Mỹ Linh

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

Tóm tắt. So với dịch thuật và nghiên cứu, phê bình tiểu thuyết Đức thế kỉ XX ở Việt Nam sau năm 1986 chưa có nhiều thành tựu. Tiểu thuyết gia Đức thế kỉ XX được nghiên cứu nhiều nhất ở Việt Nam là Franz Kafka. Một số nhà văn như Herman Hesse, Anna Seghers và Erich Maria Remarque dù được dịch nhiều ở Việt Nam nhưng việc tiếp nhận tác phẩm của họ qua nghiên cứu, phê bình lại hạn chế. Một tác giả lớn, được nghiên cứu nhiều trên thế giới như Günter Grass chưa được nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam quan tâm. Rào cản về ngôn ngữ, sự thiếu vắng các chính sách thúc đẩy nghiên cứu, sự vắng bóng tiểu thuyết Đức thế kỉ XX trong chương trình giảng dạy ở bậc phổ thông có thể là những nguyên nhân lí giải cho bức tranh nghiên cứu, phê bình thiếu toàn diện này.

Từ khóa: Tiếp nhận, tiểu thuyết Đức thế kỉ XX, Franz Kafka, Günter Grass.

1. Mở đầu

Nhìn qua bức tranh nghiên cứu trên thế giới, chúng tôi nhận thấy rằng tiếp cận văn học Đức, đặc biệt là tiểu thuyết Đức thế kỉ XX từ lí thuyết tiếp nhận là hướng đi mà đã được nhiều học giả quan tâm. Vận dụng lí thuyết tiếp nhận trong nghiên cứu, học giả trên thế giới chú ý tới mối quan hệ giao lưu văn hóa ở các thời điểm lịch sử, quá trình dịch thuật các tác phẩm văn học và hiện tượng thâm nhập của các yếu tố văn học nước ngoài tới văn học trong nước. Bên cạnh việc xem xét lịch sử tiếp nhận các nền văn học, các nhà nghiên cứu còn chú ý tới việc tiếp nhận các tác gia văn học cụ thể. Tuy nhiên, vấn đề tiếp nhận văn học Đức nói riêng, tiếp nhận tiểu thuyết Đức thế kỉ XX nói riêng chưa được đề cập đến trong bất kì công trình nào ở nước ngoài viết bằng tiếng Anh hoặc tiếng Đức. Đây là một khoảng trống trong nghiên cứu, một vấn đề có tính mới đối với giới nghiên cứu nước ngoài. Vận dụng lí thuyết tiếp nhận nghiên cứu văn học nước ngoài là hướng đi của nhiều nhà nghiên cứu ở Việt Nam và việc vận dụng này đã ghi dấu thành công ở một số đề tài, luận án, sách chuyên khảo. Việc nghiên cứu tiếp nhận tiểu thuyết Đức thế kỉ XX cũng bước đầu được xem xét ở góc độ tiếp nhận tác gia văn học và so sánh văn học, chủ yếu là tiếp nhận Franz Kafka ở Việt Nam. Số lượng công trình nghiên cứu tiếp nhận tiểu thuyết Đức thế kỉ XX ở Việt Nam còn rất ít ỏi và hầu hết các công trình mới chỉ đề cập tới các hiện tượng rời rạc mà chưa có cái nhìn khái quát, hệ thống.

Vấn đề tiếp nhận tiểu thuyết Đức thế kỉ XX có thể được xem xét, tìm hiểu qua nhiều phương diện như tiếp nhận trong dịch thuật, giảng dạy, sáng tác và nghiên cứu, phê bình. Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi tìm hiểu vấn đề tiếp nhận tiểu thuyết Đức thế kỉ XX qua phương diện nghiên cứu, phê bình ở giai đoạn sau năm 1986.

Ngày nhận bài: 1/1/2020. Ngày sửa bài: 17/1/2020. Ngày nhận đăng: 2/2/2020.

Tác giả liên hệ: Ôn Thị Mỹ Linh. Địa chỉ e-mail: onmylinh@dhsptn.edu.vn

2. Nội dung nghiên cứu

Sau năm 1986, luồng gió Đổi Mới toàn diện đã khiến cho các nhà nghiên cứu có điều kiện nhìn nhận lại vai trò, vị trí của các tiểu thuyết Đức thế kỉ XX như Franz Kafka, Thomas Mann, Günter Grass... Đồng thời, có hướng tiếp cận khoa học trong việc giải mã các văn bản tiểu thuyết như *Lâu Đài*, *Vụ án*, *Cái trống thiếc*, *Núi thần*, *Gia đình Buddenbrooks*...

Một trong những công trình nghiên cứu hiếm hoi, tìm hiểu chung về một số hiện tượng văn học Đức thế kỉ XX là cuốn chuyên luận *Văn học Đức chống phát xít Những vấn đề mỹ học và thi pháp* của Lương Ngọc Bính, xuất bản năm 1995. Lương Ngọc Bính là tiền sĩ Ngữ văn, nhưng đồng thời cũng là một người hoạt động trong lĩnh vực chính trị. Trong cuốn chuyên luận này, Lương Ngọc Bính đã đề cập tới một số tiểu thuyết như *Cây thập tự thứ bảy* của Anna Seghers, *Núi thần* của Thomas Mann, các tác phẩm của Erich Maria Remarque. Với điểm tiếp nhận của một nhà nghiên cứu văn học nhưng đồng thời là một nhà chính trị, Lương Ngọc Bính đánh giá cao *Cây thập tự thứ bảy*, “đối chiếu với các tác phẩm của chủ nghĩa hiện thực phê phán, ở *Cây thập tự thứ bảy*, A.Dêgơ (Anna Seghers- OTML) đã giành được một thành công nghệ thuật quan trọng. Đó là sự miêu tả cuộc đấu tranh chống phát xít trong sự gắn bó chặt chẽ với cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp vô sản” [1; tr.62]. Cuốn tiểu thuyết này của Anna Seghers đã được phân tích kĩ lưỡng ở nhiều phương diện như thông điệp về sự nghiệp chống phát xít không bao giờ bị dập tắt mà ngày càng được củng cố và lớn mạnh bởi các thế hệ người chiến sĩ; tác phẩm là một thanh âm trong bản hợp ca về tư tưởng nhân đạo sâu sắc. Thủ pháp nghệ thuật sử dụng tiếng cười chế giễu thể hiện rõ nét trong hàng loạt tác phẩm từ *Núi thần* (1924) của Thomas Mann, *Sói đồng hoang* của Hermann Hesse, *Cây thập tự thứ bảy* (1942) của Anna Seghers, *Bia mộ đen* (1956), *Thời gian để sống và thời gian để chết* (1954) của Erich Maria Remarque. Theo nhà nghiên cứu, các cuốn tiểu thuyết thuộc khuynh hướng này thường phản ánh tính bi thương của hiện thực, mô tả bức tranh bi thảm về cuộc sống dưới thời Hitle và giá trị nổi bật của các tác phẩm này là “mang ý nghĩa tố cáo quyết liệt thực tại phát xít, đặc biệt lột tả sâu sắc tấn thảm kịch của cá nhân và xã hội cũng như biểu hiện rõ nét tư tưởng nhân đạo cao cả” [1; tr.78]. Công trình này thể hiện cách tiếp nhận tiểu thuyết của Thomas Mann, Anna Seghers, Erich Maria Remarque, Herman Hesse... mang hơi hướng chính trị. Lương Ngọc Bính đã tập trung vào tính hiện thực, sự phản ánh xã hội bi thương dưới thời phát xít mà quên đi những giá trị tư tưởng và nghệ thuật khác.

Cuốn chuyên luận mang tính chất giới thiệu nhiều hơn là phê bình, nghiên cứu về văn học Đức từ khởi thủy tới 2002 của Lương Văn Hồng được xuất bản năm 2003. Lương Văn Hồng chia văn học Đức thế kỉ XX thành bốn giai đoạn: thời kì đầu của văn học hiện đại với Thomas Mann, Heinrich Mann, Hermann Hesse; thời kì hưng thịnh của văn học hiện đại với Franz Kafka, Erich Maria Remarque; giai đoạn thứ ba từ 1930 đến 1945 và giai đoạn thứ tư từ 1945 đến hết thế kỉ XX với Günter Grass, Heinrich Theodor Böll, Anna Seghers... Đối với từng tiểu thuyết gia, Lương Văn Hồng tóm lược cuộc đời và giới thiệu một vài nét cơ bản về tác phẩm. Sự tiếp nhận của Lương Văn Hồng sơ lược và mang tính chất giới thiệu [2].

Về Franz Kafka, nếu như ở giai đoạn trước, độc giả-nhà nghiên cứu nhìn tác phẩm của Kafka như sản phẩm của chủ nghĩa hiện sinh, mang màu sắc bi quan thì đến giai đoạn này, họ đã nhận diện được tính chất tiên phong, mở đường, độc đáo, bao trùm mọi chiều kích. Năm 2001, trong công trình *Đổi mới nghệ thuật tiểu thuyết phương Tây hiện đại*, nhà nghiên cứu Đặng Anh Đào đã viện dẫn tới các tác phẩm của Franz Kafka như những minh chứng rõ nét cho sự cách tân nghệ thuật tiểu thuyết của Kafka. Theo Đặng Anh Đào, chính tính chất tiên phong, mở đường trong tư tưởng và nghệ thuật của *Lâu đài*, *Vụ án* tạo nên “khoảng cách thẩm mĩ” lớn, khiến tác phẩm của ông trở nên khó hiểu, khó tiếp nhận với độc giả cùng thời. Kafka đã có những cách tân trong nghệ thuật xây dựng nhân vật với việc xóa mờ đường viền lịch sử, tẩy trắng nhân vật. Nhân vật của Kafka được nhận diện như kiểu nhân vật khó xác định về mặt quy

luật tâm lí, “đó là một trong những nét khiến tiểu thuyết của Kafka được tiếp thu một cách chậm chạp, ngay ở phương Tây, và đó cũng là nét làm nên tính độc đáo khác thường ở nhân vật của ông” [3; tr.42]. Trong *Văn học phi lí*, Nguyễn Văn Dân nhiều lần so sánh Kafka với các nhà văn hiện sinh và đưa ra nhận định: “Kafka chỉ là người mở đường cho văn học hiện sinh về việc khai thác mảng đề tài phi lí chứ không phải là nhà văn hiện sinh chủ nghĩa như nhiều người quan niệm” [4; tr.75]. Nhận định này của Nguyễn Văn Dân đã có sự đối thoại trở lại với các nhà nghiên cứu của giai đoạn trước như Hoàng Nhân hay Đỗ Đức Hiểu, Phạm Văn Sĩ- những độc giả đã bó hẹp tiểu thuyết của Kafka trong địa hạt tiểu thuyết mới hay thuyết hiện sinh. Việc nhìn Kafka không trong giới hạn của hiện sinh hay tiểu thuyết mới sẽ giúp độc giả nhận diện được những tầng ý nghĩa phong phú trong tác phẩm của ông.

Lê Thanh Nga khi đề cập tới vấn đề “Thân phận con người trong sáng tác của Franz Kafka”, đăng trên *Tạp chí Văn học* năm 2005, đã đặt vị trí của Kafka trong nền văn học thế kỉ XX: “Cái mốc thế kỉ XX như là sự bùng nổ của một cuộc cách mạng lớn lao về mặt này, mà F.Kafka là một trong những gương mặt tiêu biểu nhất trong đội ngũ những nhà văn nỗ lực cách tân bằng cách mang đến cho tiểu thuyết sự tự do đã bị chủ nghĩa hiện thực thế kỉ 19 đánh cắp (cùng với M.Proust, J.Joyce, T.Mann, F.Kafka là người “mở ra những khả năng mới cho tiểu thuyết hiện đại”) [5; tr.107]. Đặt Kafka ở vai trò của người cách tân, nhà nghiên cứu thấy được về phương diện tư tưởng, tác phẩm của Kafka phản ánh cái phi lí như một trạng thái tồn tại của con người, cũng là trạng thái tồn tại của xã hội; về phương diện nghệ thuật, Kafka sử dụng phương thức huyền thoại hóa. Đồng quan điểm với Lê Thanh Nga và Đặng Anh Đào, Phong Lê cũng cho rằng Franz Kafka cùng với Marcel Proust (1871-1922), André Gide (1869-1951) đã khởi đầu và triển khai tích cực những cách tân trong tiểu thuyết châu Âu thế kỉ XX [6; tr.76].

Trong mười năm trở lại đây, nhiều luận văn, luận án, bài tạp chí và cả sách nghiên cứu về Franz Kafka được thực hiện. Độc giả Việt Nam còn được tiếp cận với cả những sách nghiên cứu về của nước ngoài được dịch ra tiếng Việt và xuất bản ở Việt Nam. Trong quãng thời gian mười năm này, Franz Kafka được nghiên cứu từ nhiều phương diện như màu sắc hiện sinh, “triết lí của Kiekegaard- nhà triết học người Đan Mạch mà Kafka gọi là “bạn”, tác giả cuốn *Khái niệm sự bất an* - về nỗi lo âu nhuộm màu hiện sinh ngập tràn trong những dự cảm nghệ thuật của Kafka. Đến lượt mình, ông đã chuyển hóa chúng thành những hình tượng trong các tác phẩm. Những mê lộ từ thời vua Minos sống đây, nhưng đã được Kafka đem lại những lớp nghĩa mới.” [7; tr.104].

Sáng tác của Kafka không chỉ phủ nhận xã hội tư bản hiện đại mà còn là tiếng nói đa âm về thân phận con người. Các cuốn tiểu thuyết *Lâu đài*, *Vụ án* của Kafka là “sự lí giải những ẩn tượng nghiệt ngã về thế giới phi lí, về sự tha hóa của con người trong vòng vây của những thiết chế quyền lực vô hình” [8; tr.939]. Thứ phi lí nhất là con người đang xa lạ dần với thế giới mà nó đang tồn tại, như nhận xét của Trương Đăng Dung, “trong thế giới của Kafka, đối với cái Tôi, Thế giới trở nên xa lạ, đối với Thế giới, cái Tôi trở nên xa lạ” [8; tr.941]. Tình trạng tha hóa và vật thể hóa chính là nguồn gốc của tình trạng phi lí và điều này phản ánh rõ nét trong hai cuốn tiểu thuyết *Lâu đài* và *Vụ án*. Trương Đăng Dung nhận xét: “Trong cả hai cuốn tiểu thuyết, cả Josep K lẫn K. càng tìm hiểu thì càng lạc sâu vào mê cung của một thế giới phi lí không thể nào hiểu nổi và tồn tại ngoài ý muốn của con người. Và cũng thật “phi lí” là càng lạc sâu vào cái mê cung của thế giới phi lí đó thì cả hai chàng K càng trở nên tha hóa, càng trở nên xa lạ với thế giới” [8; tr.40]. Thân phận cô đơn của con người như là một trong những thông điệp được mã hóa trong *Lâu đài*, *Vụ án*. Cội nguồn của sự cô đơn được nhận diện, bởi “trong cách nhìn của Kafka, “tha nhân là địa ngục” (Sartre). Mỗi quan hệ giữa bản thể và tha nhân luôn trong tình trạng mất liên lạc, không thấu hiểu; con người đã đánh mất sợi dây dẫn đường, khiến cái tôi không thể nào kết giao, hòa nhập cộng đồng, và dần dần, họ tự thu mình vào những ốc đảo cô đơn” [7; tr.107].

Sự cô đơn, bơ vơ lạc lõng và thân phận của con người được nhắc đến trong nhiều công trình nghiên cứu trong giai đoạn này. Tuy nhiên, khác với các độc giả của giai đoạn trước, giai đoạn này, khoảng cách thẩm mĩ đã được rút ngắn, các nhà nghiên cứu- độc giả thay vì chỉ trích màu sắc bi quan, yếm thế trong tác phẩm của Franz Kafka, đã cắt nghĩa nguồn gốc của màu sắc bi đát này. Các nhà nghiên cứu nhắc nhiều tới thời đại “mất Chúa” trong tiểu thuyết của Franz Kafka. Bối cảnh lịch sử, xã hội mà nhà văn sống hiện lên với các đặc điểm: “Đế chế Áo- Hung tan rã, hiểm họa phát xít đang rình rập, nền kỹ trị tha hóa nhân phẩm và xóa dấu lương tri. Con người sống trong thời đại ấy, cảm thấy mình đã đánh mất chiếc chìa khóa để mở cánh cổng cuộc đời. Họ bơ vơ, lạc lõng, không phương hướng, không nơi bầu vút, họ lạc vào một mê cung của nỗi lo âu và sự tha hóa, của trạng thái phi lí toát lên từ lời kêu cứu của con người và sự lạnh im của đời sống” [7; tr.103].

Năm 2013, cuốn sách *Kafka- vì một nền văn học thiếu số* của Gilles Deleuze Félix Guattari đã được nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Từ Huy dịch ra tiếng Việt và xuất bản ở Việt Nam. Bùi Văn Nam Sơn khi viết lời giới thiệu cho bản dịch của cuốn sách này đã viết đây là một cách đọc khác về Kafka. Công trình của Gilles Deleuze Félix Guattari đã vận dụng cách nhìn triết học vào đọc hiểu *Lâu đài* và *Vụ án*, tạo ra một hướng đọc mới của kiểu độc giả-triết học. Trong *Vụ án*, “thay vì cách tiếp cận kiểu phân tâm học muốn quy giản quan hệ mãnh liệt của Kafka với thế giới bên ngoài thành một triệu chứng tâm thần trong quan hệ với người cha, hai ông cho thấy việc Kafka không thích hợp với hôn nhân và nỗi ám ảnh của Kafka với việc viết văn xuất phát từ động cơ tích cực” [9; tr.32].

Khi đề cập đến tư duy phi logic về thời gian của tiểu thuyết hiện đại, Trần Huyền Sâm đã nhận định: “Cấu trúc thời gian của tiểu thuyết hiện đại hoàn toàn dựa trên tính phi logic về tư duy thời gian. Mô thức về thời gian được đặt vào “sự khốc liệt” của tư duy phức hợp về con người đa chiều... Có thể kể đến những bậc thầy tiểu thuyết như Marcel Proust, James Joyce, Franz Kafka, William Faulkner. Dĩ nhiên, các cây bút vừa nêu đã có một “ký ức thể loại” từ các tiểu thuyết gia ở thế kỷ trước như Stendhal, F.Dostoievski” [10; tr.24]. Khi phân tích tác phẩm *Ruồng bỏ* của John Maxwell Coetzee, nhà nghiên cứu cũng chỉ ra bi kịch của David- nhân vật trong *Ruồng bỏ* giống với bi kịch của nhân vật trong tiểu thuyết của Franz Kafka hay Günter Grass bởi họ luôn chống lại sự đồng hóa của hiện thực, không thỏa hiệp với hiện thực [10; tr.99].

Lê Huy Bắc là nhà nghiên cứu đã có nhiều năm nghiên cứu về tác phẩm của Franz Kafka. Cuốn *Franz Kafka người tẩy não nhân loại*, cuốn chuyên luận duy nhất, công phu nhất viết về Kafka ở Việt Nam tính tới thời điểm này, đã được ông in lần đầu năm 2006, và tái bản năm 2018. Điểm nhìn của Lê Huy Bắc trong đọc hiểu tác phẩm của Kafka là điểm nhìn hậu hiện đại. Nhà nghiên cứu khẳng định vị trí của Kafka trong nền văn học nhân loại là vị trí không thể thay thế, không thể lãng quên. Quan điểm này của Lê Huy Bắc trùng với ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu khác như Lê Từ Hiên. Lê Từ Hiên cho rằng tác phẩm của Kafka thuộc vào số những tác phẩm vượt qua trăm năm, “bước sang thế kỉ 21, người ta vẫn đọc và nghiên cứu Kafka. Tác phẩm của ông vẫn có tầm ảnh hưởng to lớn trong giới sáng tác, trong đời sống văn hóa nghệ thuật ở nhiều nơi trên thế giới” [7; tr.110]. Trong công trình này, Lê Huy Bắc cũng gọi nhắc những quan điểm khác nhau trong đọc hiểu Kafka. Nếu như Nguyễn Văn Dân xếp Kafka vào hàng các nhà văn hiện đại, thuộc khuynh hướng văn học phi lí, phủ nhận cái gọi là hậu hiện đại thì Lê Huy Bắc khẳng định “Kafka là con đẻ của chủ nghĩa hiện đại, nhưng ông đã vượt qua ranh giới của khuynh hướng đó, mở đường cho chủ nghĩa hậu hiện đại” [11; tr.10]. Đọc Kafka như Lê Huy Bắc, để thấy Kafka luôn đứng, rồi sẽ nhận ra tư tưởng, triết lí của Kafka ở một khoảnh khắc nào đó trong cuộc đời. Với nhận định ấy, nhà nghiên cứu đã khẳng định màu sắc tác phẩm dù huyền thoại, nghịch dị nhưng bản chất là hiện thực nhưng hiện thực không phải ở một lát cắt lịch sử mà là tính nhân loại sâu xa và vì thế tác phẩm của Kafka đồng cảm, thấu hiểu với nỗi đau của con người.

Như vậy, đã có một bước tiến lớn trong việc đọc hiểu, tiếp nhận các tác phẩm của Franz Kafka qua thời gian. Từ chỗ, *Lâu đài* và *Vụ án* được xem như là những tác phẩm thấm đẫm màu sắc hiện sinh hay đơn thuần là phản ánh sự sụp đổ của giai cấp tư sản, bộc lộ màu sắc bi quan ảm đạm thì các nhà nghiên cứu gần đây đã tiếp cận tác phẩm từ góc nhìn đa chiều, đa diện, khẳng định được giá trị của những tác phẩm này đối với văn học Đức nói riêng và văn học thế giới nói chung.

Nghiên cứu Franz Kafka là bức tranh tươi sáng nhất trong số các nghiên cứu về tiểu thuyết thế kỉ XX bởi độ dày dặn và sự phong phú. Có những tác giả được dịch nhiều ở Việt Nam nhưng sự tiếp nhận qua nghiên cứu, phê bình lại mờ nhạt như Herman Hesse, Anna Seghers và Erich Maria Remarque. Những nghiên cứu về hai tác giả này chủ yếu dừng ở lời giới thiệu của mỗi lần xuất bản tác phẩm. Cuộc đời và tác phẩm của Erich Maria Remarque được giới thiệu giống nhau ở tất cả các cuốn tiểu thuyết đã dịch ra tiếng Việt ở Việt Nam. Trong lời mở đầu tác phẩm này, nhà xuất bản giới thiệu tới độc giả những nét sơ lược trong cuộc đời của nhà văn, giúp độc giả phổ thông hình dung ra một Erich Maria Remarque là ngôi sao ăn khách, là ngôi bút viết về chiến tranh thế giới hay nhất. Một vài đặc điểm nghệ thuật của tác phẩm được chỉ ra như sự mô tả chân thực về chiến tranh hay thiên truyện đầy bi ai về thân phận lưu vong.

Trong cuốn *Tuyển tập văn học Đức* xuất bản năm 2004, Đỗ Ngoạn đã viết bài giới thiệu ngắn gọn về Remarque. Nhà nghiên cứu đã tóm tắt những dấu mốc quan trọng trong cuộc đời của Remarque như năm 1918 bị thương, trong thập niên 20 của thế kỉ XX làm đủ nghề để kiếm sống, năm 1931 rời sang sống ở Thụy Sĩ. Khi phát xít cướp chính quyền, Remarque đã bị tước quyền công dân, tác phẩm của ông bị đốt. Năm 1939, Remarque di tản sang Mỹ, sống ở New York, nhập quốc tịch Mỹ. Cũng trong cuốn sách này, Đỗ Ngoạn giới thiệu và đưa vào một đoạn trích của cuốn tiểu thuyết *Phía Tây không có gì lạ* do Lê Huy dịch từ bản tiếng Pháp. Theo Đỗ Ngoạn, cuốn tiểu thuyết xuất bản năm 1928 này của Remarque “phản ánh cuộc sống và tình trạng tinh thần rời rã của một nhóm binh lính Đức trong Đại chiến I trên đất Pháp, ngay từ khi mới xuất bản đã bị bọn quốc xã đã kích kịch liệt, nhưng được đông đảo bạn đọc nồng nhiệt đón nhận (sau mấy lần tái bản, số in đã đến tám triệu cuốn, 1930 được dịch thành phim)” [12; tr.281-282].

Những lời giới thiệu này chủ yếu tóm lược cho độc giả phổ thông thấy những nét chính trong cuộc đời của nhà văn và khẳng định *Phía Tây không có gì lạ* là tiểu thuyết được độc giả thế giới quan tâm nhất trong số các tác phẩm của Erich Maria Remarque. Nhưng tất cả chỉ dừng lại ở sự bình giá sơ lược, chung chung, chưa có công trình nào đi sâu vào nghiên cứu thế giới nghệ thuật trong tác phẩm của Remarque.

Trường hợp của Hermann Hesse (1877-1962) cũng tương tự. Nghiên cứu về Hermann Hesse cũng dừng lại ở những lời giới thiệu của dịch giả, nhà xuất bản trong mỗi lần xuất bản hoặc tái bản tác phẩm. Trong lời giới thiệu tác phẩm *Siddhartha*, Nguyễn Tường Bách khẳng định vị trí của nhà văn “là văn hào, thi hào lỗi lạc người Đức. Ông sinh ra trong một gia đình có truyền thống trí thức, tôn giáo. Hermann Hesse sớm hấp thụ nền văn hóa Ấn Độ... Năm 1946 Hermann Hesse được trao giải Nobel về văn chương” [13; tr.5]. Cũng trong lời giới thiệu, Nguyễn Tường Bách tóm lược lại nội dung của tiểu thuyết *Siddhartha* và nhận diện giá trị tư tưởng của tác phẩm, “Hermann Hesse cho ta thấy muốn thấu hiểu bản chất của đời sống, con người cần phải trải nghiệm tận cùng mọi ngõ ngách của nó. Sự sống đang diễn ra trong mọi hình thái trong vũ trụ cũng chỉ vì nó cần trải nghiệm hết chính bản thân mình... Với *Siddhartha* người đọc sẽ cảm nhận như đọc một cuốn kinh Đại thừa, nhưng với văn chương du dương của một nhà thơ và sự miêu tả tinh tế của một nhà văn” [13; tr.6]. Nguyễn Tường Bách đã khơi gợi dấu ấn của Phật giáo trong tác phẩm của Hermann Hesse và nghệ thuật ngôn từ du dương, tinh tế của Hermann Hesse khác với sự phức tạp, rối rắm, cắt ghép trong thế giới của Kafka hay Günter Grass. Đặc điểm nghệ thuật này cũng góp phần lí giải hiện tượng tiểu thuyết của Hermann Hesse được dịch nhiều ở Việt Nam.

Anna Seghers là một trong những nữ tiểu thuyết gia hiếm hoi của nền văn học Đức thế kỉ XX. Tiểu thuyết của Anna Seghers được dịch nhiều ở Việt Nam, kể cả giai đoạn trước 1975 và sau 1975. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu về Anna Seghers lại rất ít. Một trong những bài viết giới thiệu về cuộc đời và tác phẩm của Anna Seghers là bài viết của Đỗ Ngoan, in trong *Tuyển tập văn học Đức*, xuất bản năm 2004. Đỗ Ngoan đánh giá nhà văn nữ này chịu ảnh hưởng của các tiểu thuyết gia Pháp và Nga thế kỉ 19 và “Seghers đã sáng tạo một nền văn xuôi phản ánh trung thực cuộc sống của người lao động, đưa nền tiểu thuyết xã hội Đức lên một đỉnh cao mới, trong đó nhân vật trung tâm thường là người thợ hay người bị áp bức, săn đuổi. Văn bà cô đọng, súc tích, cụ thể, đôi khi khô khan như văn sử ký. Tuy vậy, nhân vật do bà sáng tạo ra luôn luôn sống động” [12; tr.524].

Với Thomas Mann, dù bài nghiên cứu của Khái Vinh đầy định kiến ở giai đoạn trước năm 1986 nhưng đó vẫn là bài nghiên cứu dày dặn nhất. Ở giai đoạn sau 1986, công trình nghiên cứu về Thomas Mann rất hiếm hoi. Trong cuốn *Tuyển tập văn học Đức*, xuất bản năm 2004, Đỗ Ngoan cũng dành một phần để giới thiệu về cuộc đời của Thomas Mann và tác phẩm *Tristan*. Tiêu sử của Thomas Mann đã được ông tóm lược với những nét chính như Thomas Mann là con một nhà buôn giàu có ở vùng Luebeck, miền Bắc nước Đức, được cấp học vị tiến sĩ danh dự của trường đại học Bonn năm 1919. Năm 1929 Thomas Mann được nhận giải thưởng Nobel về văn chương. Bị phát xít Đức tước quyền công dân, Thomas Mann sang định cư ở Mỹ từ năm 1938 và cuối đời trở về sống ở Thụy Sĩ. Chủ đề cơ bản trong các tác phẩm của Thomas Mann, theo nhà nghiên cứu Đỗ Ngoan, là “sự suy tàn của xã hội tư sản”. Thomas Mann xứng đáng là “tiểu thuyết gia lớn nhất của Đức nửa đầu thế kỉ XX... bậc thầy về văn xuôi hiện đại Đức, tiếp tục truyền thống của các nhà tiểu thuyết gia vĩ đại thế kỉ trước... văn ông đạt trình độ mẫu mực về sự phong phú trong ngôn ngữ, sự trong sáng trong ngữ pháp. Với giọng điệu pha chút châm biếm, ông phản ánh sự suy thoái không gì ngăn nổi của xã hội tư sản” [12; tr.335-336]. Do tính chất của một cuốn tuyển tập tác phẩm, bài viết của Đỗ Ngoan không đi sâu vào phân tích đặc điểm nội dung và nghệ thuật của tiểu thuyết Thomas Mann.

Cũng trong cuốn tuyển tập văn học Đức này, Đỗ Ngoan đã dành một trang để viết về Heinrich Böll. Heinrich Böll (1917-1985) được giới thiệu trong cuốn tuyển tập của Đỗ Ngoan như là một trong những tiểu thuyết gia nổi tiếng nhất của Đức trong hai thập kỉ 50 và 60. Đỗ Ngoan tóm tắt những nét sơ lược trong cuộc đời của Heinrich Böll, từ 1951 trở thành nhà văn chuyên nghiệp sau khi trải qua rất nhiều nghề khác nhau và nhận giải thưởng Nobel Văn học năm 1972. Heinrich Böll “là nhà văn hiện thực chủ nghĩa, phản ánh rất trung thực và sinh động số phận con người thị dân sau Đại chiến thế giới II. Đặc điểm nổi bật trong tác phẩm của Böll là ông miêu tả rất tỉ mỉ các chi tiết, nhiều chi tiết mang tính tượng trưng. Ông có một giọng văn độc đáo, dí dỏm pha chút châm biếm” [12; tr.553-554].

Günter Grass được coi là một trong những cây đại thụ của nền văn học Đức. Ông nổi tiếng với tiểu thuyết *Cái trống thiếc* xuất bản năm 1959. Với tác phẩm này Günter Grass đã nhận được giải thưởng Nobel về văn học năm 1999. Hiện nay, tiểu thuyết này được dịch ra gần 50 thứ tiếng. Trên thế giới, từ khi tiểu thuyết này ra đời nó được xem như một hiện tượng và nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Mặc dù được ra đời từ khá sớm và lập tức được đánh giá như tiếng trống đánh thức nền văn học Đức sau cơn mù mịt hậu chiến, và dù cho trên thế giới đã có hàng chục công trình và hàng trăm bài viết về tác phẩm ấy thì nghiên cứu về *Cái trống thiếc* và tác giả của nó ở Việt Nam vẫn là khoảng trống. Có một số bài viết về tác phẩm này của Grass nhưng đa phần chỉ mang tính chất giới thiệu, điếm qua về đặc điểm nội dung và nghệ thuật, chưa có một công trình nào thực sự xứng đáng với tầm vóc của tác giả và tác phẩm đạt giải Nobel văn học năm 1999. Ở Việt Nam, độc giả được tiếp cận cuốn tiểu thuyết này khá muộn so với thời điểm mà nó ra đời thông qua bản dịch của dịch giả Dương Tường. Có lẽ vì điều đó mà rất ít những công trình nghiên cứu về tiểu thuyết này.

Trong bài viết *Cái trống thiếc trong nền văn học hiện đại Đức*, dịch giả Dương Tường giới thiệu với độc giả Việt Nam những nét cơ bản nhất về tiểu sử của Günter Grass, những đánh giá của dịch giả về tiểu thuyết *Cái trống thiếc* trên cả phương diện nội dung cũng như bút pháp nghệ thuật. Dương Tường đánh giá cao dấu ấn mà tiểu thuyết *Cái trống thiếc* này để lại trong lịch sử văn học Đức, “nhiều nhà phê bình đã có lí khi đánh giá sự xuất hiện của *Cái trống thiếc* như một lần khai sinh thứ hai cho nền tiểu thuyết Đức của thế kỷ 20” [14; tr.9]. Sự chấn động mà tiểu thuyết *Cái trống thiếc* gây ra cho người đọc được xếp ngang với sự chấn động khi tiểu thuyết nổi tiếng của Thomas Mann *Gia đình Buddenbrooks* xuất bản năm 1901. Về phương diện nội dung tư tưởng, dịch giả cho rằng tác phẩm của Günter Grass phản ánh “một thế hệ bị bầm giập ê chề đến mất phẩm giá bởi chủ nghĩa quốc xã...những chấn thương tinh thần cũng những di hại bệnh lí- xã hội, không tiết nọc với sự cáo chung của chủ nghĩa quốc xã” [9; tr.11]. Về nghệ thuật, “*Cái trống thiếc*, vào thời điểm nó ra đời, còn là một cú sốc thi pháp. Tác giả chõ những ngụ ngôn đen của mình trên một bút pháp vừa hoạt bát phóng túng vừa đắp ắp liên tưởng, cuộn cuộn những sóng chữ nghịch nhĩ, chói màu, xúng đáng với Rabelais” [14; tr.15]. Đánh giá cao tác phẩm *Cái trống thiếc* như là một trong những thành tựu xuất sắc nhất của tiểu thuyết Đức thế kỉ XX nói riêng, văn học Đức nói chung, Dương Tường cũng khẳng định tiểu thuyết *Cái trống thiếc* gợi ý, dẫn dắt các độc giả- nhà văn Việt Nam trong việc tiếp cận, mổ xẻ, chuyển hóa hiện thực nhưng sự đa nghĩa của tác phẩm, sự trống trải phong nền văn hóa về bối cảnh hiện thực của nước Đức dưới sự cầm quyền của phát xít cũng tạo nên khoảng cách thâm mĩ lớn, khiến bạn đọc Việt Nam nói chung khó tiếp nhận tác phẩm. Năm 2002, khi tiểu thuyết *Cái trống thiếc* được dịch ở Việt Nam, dịch giả Dương Tường đã mở cuộc hội thảo bàn tròn về tiểu thuyết *Cái trống thiếc* của Günter Grass tại viện Goethe, Hà Nội vào ngày 23.11.2002. Hội thảo là một trong những nỗ lực của dịch giả, nhà xuất bản và Đại sứ quán Đức trong việc đưa *Cái trống thiếc* đến gần hơn với độc giả Việt Nam.

Tuy nhiên, dù cuốn sách cũng cuốn hút được một số lượng lớn bạn đọc (minh chứng là lần tái bản bản dịch của *Cái trống thiếc* gần đây, năm 2018 cũng không đủ đáp ứng nhu cầu của người đọc Việt Nam, những người say mê chú lùn Oskar) nhưng giới nghiên cứu Việt Nam tiếp nhận tác phẩm này dè dặt. Năm 2018, bài viết “Hiện thực huyền ảo và đa điểm nhìn trong tiểu thuyết *Cái trống thiếc* của Günter Grass” là một trong số những công trình nghiên cứu hiếm hoi về tác phẩm này. Trong bài viết, tác giả khẳng định vị trí của Günter Grass, “người phát ngôn cho một thế hệ những chàm của nước Đức, những con người chịu nhiều chấn thương tinh thần sau thời Đức quốc xã” [15]. Bài viết cũng đi sâu phân tích bút pháp hiện thực huyền ảo và đa điểm nhìn như là những đặc trưng nghệ thuật đặc sắc của tiểu thuyết *Cái trống thiếc*. Thông qua đó, Günter Grass đã khắc họa nước Đức như một xã hội nhỏ nhăng, kệt cớm, trong đó thân phận con người trở nên nhỏ bé, côi cút trước những biến động của lịch sử, trước sự hưng thịnh và suy vong của Đức quốc xã. Hướng tiếp nhận này của tác giả tiệm cận với quan điểm tiếp nhận của các nhà nghiên cứu trên thế giới hiện nay về tiểu thuyết *Cái trống thiếc*.

3. Kết luận

Nhìn chung, so với thực trạng dịch thuật các tiểu thuyết Đức thế kỉ XX ngày càng sôi động, nghiên cứu tiểu thuyết Đức thế kỉ XX ở Việt Nam vẫn là bức tranh với những đường nét mờ nhạt. Nguyên nhân tạo nên sự thờ ơ của giới nghiên cứu, phê bình Việt Nam đối với những bộ tiểu thuyết lớn của Đức như *Núi thần*, *Gia đình Buddenbrooks*, *Cái trống thiếc*...có lẽ một phần do tiếng Đức chưa phải là một trong những ngôn ngữ được tiếp nhận nhiều trong lịch sử Việt Nam. Rào cản về ngôn ngữ dẫn đến những rào cản về văn hóa, tạo nên khoảng cách thâm mĩ lớn, khó lấp đầy. Sự phong phú trong đời sống dịch thuật các tác phẩm văn học Đức thế kỉ XX có nỗ lực rất lớn của Đại sứ quán Đức, viện Goethe- cơ quan trao đổi văn hóa của Đức ở Việt Nam. Chính phủ Đức có nhiều chương trình đề tài trợ cho việc dịch các tiểu thuyết Đức thế kỉ XX ra tiếng Việt. Tuy nhiên, các cơ quan này chưa có chương trình nào nhằm thúc đẩy các công

bổ, các công trình nghiên cứu về văn học Đức ở Việt Nam. Một lí do nữa có thể xuất phát từ sự thiếu vắng của văn học Đức nói chung, tiểu thuyết Đức thế kỉ XX trong chương trình giảng dạy bậc phổ thông, đại học ở Việt Nam. Dù sự tiếp nhận của giới nghiên cứu ở Việt Nam đối với tiểu thuyết Đức thế kỉ XX chưa nhiều, chưa nồng nhiệt nhưng hầu hết các bài viết đều thể hiện quan điểm nghiên cứu hiện đại, gần với hướng tiếp nhận những tác phẩm này trên thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lương Ngọc Bính, 1995. *Văn học Đức chống phát xít Những vấn đề mỹ học và thi pháp*. Nxb Giáo dục
- [2] Lương Văn Hồng, 2003. *Văn học Đức từ khởi thủy tới 2002*. Nxb Văn học
- [3] Đặng Anh Đào, 2001. *Đổi mới nghệ thuật tiểu thuyết phương Tây hiện đại*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
- [4] Nguyễn Văn Dân, 2002. *Văn học phi lí*. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội
- [5] Lê Thanh Nga, 2006. “Thân phận con người trong sáng tác của Franz Kafka”. *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 3
- [6] Phong Lê, 2007. “Từ sự nghiệp đổi mới nhìn lại lịch sử các mối giao lưu với văn học phương Tây hiện đại”. *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 1
- [7] Lê Từ Hiền, Lê Minh Kha, 2009. “Tính chất mê cung trong tác phẩm của Franz Kafka”. *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 2.
- [8] Trương Đăng Dung, 2003. “Thế giới nghệ thuật của Franz Kafka”, *Franz Kafka- Tuyển tập tác phẩm*. Nxb Hội nhà văn, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội
- [9] Günter Grass, 1959. *Cái trống thiếc*, Dương Tường dịch, xuất bản năm 2002. Nxb Hội nhà văn.
- [10] Trần Huyền Sâm, 2016. *Tiểu thuyết phương Tây hiện đại và các hướng tiếp cận*. Nxb Văn học.
- [11] Lê Huy Bắc, 2018. *Franz Kafka người tẩy não nhân loại*. Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
- [12] Đỗ Ngoạn, 2004. *Tuyển tập văn học Đức*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [13] Hermann Hesse, 1951. *Siddhartha*, Bản dịch của Lê Chu Cầu năm 2019, Nguyễn Tường Bách giới thiệu. Nxb Văn học.
- [14] Gilles Deleuze Félix Guattari, 2013. *Kafka vì một nền văn học thiếu số*. Nxb Tri thức.
- [15] Ôn Thị Mỹ Linh, 2018. “Hiện thực huyền ảo và đa điểm nhìn trong tiểu thuyết Cái trống thiếc của Günter Grass”. *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số 5, tr.111-118.

ABSTRACT

Reception of the 20th Century German Novels in Vietnam in terms of Research and Criticism since 1986

On Thi My Linh

Thai Nguyen University of Education, Thai Nguyen University

In a comparison with the translated books, the research and criticism of 20th century German novels in Vietnam since 1986 have not many achievements. The German novelist of the 20th century that was mostly researched in Vietnam is Franz Kafka. Although some writers as Herman Hesse, Anna Seghers and Erich Maria Remarque have been widely translated in Vietnam, the reception of their works in terms of research and criticism seems to be limited. A well-studied author in the world such as Günter Grass has not received much attention from Vietnamese researchers. Language barriers, the lack of policies to promote research on German literature, the absence of 20th-century German works in high school curriculum could be considered as the reasons for this uncomprehensive reception.

Keywords: Reception, the 20th century German novels, Franz Kafka, Günter Grass.